

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thái B; địa chỉ: Ấp LT, xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T; địa chỉ: TP, Khóm H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2022 của ông Huỳnh Thái B và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2017, ông B cho bà Lê Thị Ngọc T vay số tiền 84.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay 05 tháng, có làm biên nhận nợ do bà T ký tên, không có thế chấp tài sản gì cho ông B. Bà T trả cho ông B được 13.000.000 đồng (ngày 13/3/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 16/4/2018 trả 5.000.000 đồng và ngày 23/5/2018 trả 3.000.000 đồng).

Ông Huỳnh Thái B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông B số tiền vốn vay còn nợ là 71.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà T đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

Về thẩm quyền loại việc: Ông Huỳnh Thái B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn vay còn nợ 71.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T; địa chỉ: TP, Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thái B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông B số tiền vốn vay còn nợ là 71.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thái B về việc yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn vay còn nợ là 71.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do ông Huỳnh Thái B cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 25/5/2017, có nội dung: Ngày 25/5/2017, ông B có cho bà T vay số tiền 84.000.000 đồng, bà T cam kết sẽ trả lại số tiền vốn vay cho ông B vào ngày 25/10/2017. Giấy mượn tiền được bên cho vay có ông B ký tên, ghi họ và tên; bên vay có bà T ký tên, ghi họ và tên. Bà T trả cho ông B được 13.000.000 đồng (ngày 13/3/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 16/4/2018 trả 5.000.000 đồng và ngày 23/5/2018 trả 3.000.000 đồng) rồi ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông B theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Lê Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thái B số tiền vốn vay còn nợ 71.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Ngọc T chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mà bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thái B được tính như sau: 71.000.000 đồng x 5% = 3.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thái B.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thái B số tiền vốn vay còn nợ là 71.000.000đ (bảy mươi một triệu đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 3.550.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Thái B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho ông Huỳnh Thái B 1.775.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0001458 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan